

DANH SÁCH SINH VIÊN THUỘC DIỆN MIỄN GIẢM HỌC PHÍ, ĐƯỢC HỖ TRỢ HỌC PHÍ - HỌC KỲ 1/2018-2019
(Dữ liệu ngày: 08/09/2018)

Cộng:				1	0	0	31	5	0	4	201	42	163	11	8	1	17	0	3
TT	Số thẻ SV	Họ và Tên	Lớp	14 25%	21 25%	01 50%	03 50%	13 50%	23 50%	22 70%	04 100%	05 100%	11 100%	15 100%	16 100%	17 100%	18 100%	19 100%	20 100%
				A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P
1	102140204	Võ Thị Hiền Diệu	14TCLC2	X															
2	121120066	Phạm Nguyễn Bảo Ngân	12KT				X												
3	118120036	Ngô Hoài Phương	12KX1				X												
4	117130040	Nguyễn Thị Kim Phúc	13MT				X												
5	122130022	Nguyễn Phi Long	13PFIEV				X												
6	101140194	Võ Minh Nhật	14CDT2				X												
7	109140112	Nguyễn Thành Trung	14X3A				X												
8	101150040	Trần Hữu Phú	15C1A				X												
9	105150203	Nguyễn Văn Khánh	15DCLC				X												
10	106150154	Mai Thế Vinh	15DT2				X												
11	106150221	Trần Anh Tuấn	15DT3				X												
12	123150124	Nguyễn Hồng Sơn	15ES				X												
13	102150061	Nguyễn Đình Phước	15T1				X												
14	111150147	Hoàng Quốc Hưng	15THXD				X												
15	109150290	Nguyễn Văn Vũ	15VLXD				X												
16	101160157	Ngô Quang Thành	16CDT1				X												
17	117160081	Ngô Thụy Vân	16MT				X												
18	104160004	Nguyễn Công Cường	16N1				X												
19	103170125	Lê Trường Hậu	17C4C				X												
20	105170229	Phan Thanh Hào	17DCLC				X												
21	106170138	Hoàng Minh Trí	17DT2				X												
22	106170237	Trần Quốc Huy	17DTCLC				X												
23	121170030	Lê Nguyễn Bá Phúc	17KTCLC1				X												
24	121170074	Võ Nhật Nam	17KTCLC2				X												
25	118170127	Võ Thị Hoài Thương	17KX2				X												
26	102170039	Phạm Thị Nguyệt	17T1				X												
27	102170216	Phan Văn Hoan	17TCLC1				X												
28	105170278	Võ Đức Duy	17TDH1				X												
29	110170021	Ngô Lê Hoàn	17X1A				X												
30	110170157	Đỗ Thành Trung	17X1B				X												
31	109170102	Hoàng Văn Tĩnh	17X3				X												
32	109170110	Phan Ngọc Tú	17X3				X												
33	102130210	Nguyễn Quang Nhật	13TCLC					X											
34	102140172	Phan Nhật Ánh	14TCLC1					X											

TT	Số thẻ SV	Họ và Tên	Lớp	14 25%	21 25%	01 50%	03 50%	13 50%	23 50%	22 70%	04 100%	05 100%	11 100%	15 100%	16 100%	17 100%	18 100%	19 100%	20 100%
				A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P
35	102140191	Trần Trọng Thắng	14TCLC1					X											
36	109160220	Phạm Sỹ Hân	16X3CLC					X											
37	105170429	Nguyễn Xuân Bình	17TDHCLC2					X											
38	101140101	Chu Văn Nghiệp	14C1B							X									
39	105150111	Hứa Minh Sơn	15D2							X									
40	105160200	Nguyễn Bá Sơn	16TDH							X									
41	103170040	Hoàng Văn Thành	17C4A							X									
42	101110198	Đỗ Mạnh Tuấn	11C1A								X								
43	101110425	Nguyễn Văn Dũng	11CDT2								X								
44	106119030	Trần Vũ Phước Quyền	11ECE								X								
45	110110389	Trần Văn Thiết	11X1B								X								
46	111110054	Bùi Sỹ Bình	11X2A								X								
47	109110213	Nguyễn Thanh Nhanh	11X3B								X								
48	103120165	Lê Hữu Ngọc Thạch	12C4B								X								
49	105120341	Trương Cao Trọng	12DCLC								X								
50	106120226	Nguyễn Thị Ngọc Linh	12DT4								X								
51	106129000	Lê Tuấn Anh	12ECE								X								
52	102120195	Nguyễn Quang Thịnh	12T3								X								
53	111120017	Dương Kim Hậu	12THXD								X								
54	109120086	Lý Quang Cường	12VLXD								X								
55	101139018	Nguyễn Duy Phúc	13C1VA								X								
56	101139028	Phan Thanh Toàn	13C1VA								X								
57	101130157	Lê Văn Đây	13CDT1								X								
58	105130929	Hà Thị Hiền	13D1VA								X								
59	105130941	Lê Hữu Nhân	13D1VA								X								
60	105130946	Nguyễn Công Sơn	13D1VA								X								
61	105130089	Lưu Tấn Dương	13D2								X								
62	106130050	Võ Trí Quý	13DT1								X								
63	106130206	Lê Đình Trung Tuấn	13DT3								X								
64	107130003	Hoàng Đại Đồng	13H1,4								X								
65	107130070	Nguyễn Việt Linh	13H2A								X								
66	103130208	Trần Quang Hậu	13KTTT								X								
67	104130081	Trần Thế Đoàn	13NL								X								
68	122130050	Ngô Thiện Sinh	13PFIEV								X								
69	122130055	Vũ Song Toàn	13PFIEV								X								
70	107130183	Trần Trung Hiếu	13SH								X								
71	105130353	Tổng Nguyên Trường	13TDH2								X								
72	110130062	Nguyễn Văn Tiến	13X1A								X								
73	110130085	Trần Văn Đào	13X1B								X								
74	110130186	Mai Xuân Quỳnh	13X1C								X								

TT	Số thẻ SV	Họ và Tên	Lớp	14 25%	21 25%	01 50%	03 50%	13 50%	23 50%	22 70%	04 100%	05 100%	11 100%	15 100%	16 100%	17 100%	18 100%	19 100%	20 100%
				A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P
75	111130150	Nguyễn Văn Nhơn	13X2								X								
76	109130099	Nguyễn Văn Trường	13X3A								X								
77	101140055	Nguyễn Viết Anh Tài	14C1A								X								
78	101140066	Phan Văn Tuyên	14C1A								X								
79	101140214	Lê Nam Anh	14C1VA								X								
80	101140138	Trương Xuân Hải	14CDT1								X								
81	101140150	Võ Khắc Lộc	14CDT1								X								
82	101140172	Lê Mai Xuân	14CDT1								X								
83	101140176	Alăng Brắc	14CDT2								X								
84	101140189	Lê Viết Linh	14CDT2								X								
85	105140023	Lê Trí Dũng	14D1								X								
86	105140031	Trần Khương Hiếu	14D1								X								
87	105140077	Phan Công Minh Triết	14D1								X								
88	105140117	Hồ Phúc Hoành	14D2								X								
89	106140007	Nguyễn Đình Cường	14DT1								X								
90	106140074	Nguyễn Quốc Cường	14DT2								X								
91	106140117	Lê Doãn Thọ	14DT2								X								
92	123140001	Lê Hoàng Anh	14ECE								X								
93	107140012	Nguyễn Thị Thúy Hằng	14H1,4								X								
94	107140031	Đàm Thị Như Quỳnh	14H1,4								X								
95	107140051	Văn Quý Trung	14H1,4								X								
96	107140064	Phan Thị Hằng	14H2A								X								
97	107140102	Hoàng Thị Thương Thương	14H2A								X								
98	107140127	Phan Thị Huế	14H2B								X								
99	107140223	Trần Viết Thành	14H5								X								
100	107140246	Đỗ Thị Cẩm Xuyên	14H5								X								
101	121140024	Lê Thị Luyện	14KT1								X								
102	121140113	Hồ Lê Minh Tâm	14KT2								X								
103	118140049	Phan Đại Tài	14KX1								X								
104	104140077	Chu Văn Dương	14N2								X								
105	104140122	Trần Hữu Ước	14N2								X								
106	104140143	Võ Thị Thanh Hoa	14NL								X								
107	122140008	Nhan Ngọc Điền	14PFIEV								X								
108	118140089	Lê Thị Hoa	14QLCN								X								
109	117140116	Nguyễn Văn Thọ	14QLMT								X								
110	117140125	Nguyễn Văn Trung	14QLMT								X								
111	117140129	Nguyễn Thị Minh Tuyền	14QLMT								X								
112	107140269	Nguyễn Bảo Ngọc	14SH								X								
113	102140051	Nguyễn Thị Tứ	14T1								X								
114	102140141	Nguyễn Thị Quỳnh Như	14T3								X								

TT	Số thẻ SV	Họ và Tên	Lớp	14 25%	21 25%	01 50%	03 50%	13 50%	23 50%	22 70%	04 100%	05 100%	11 100%	15 100%	16 100%	17 100%	18 100%	19 100%	20 100%
				A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P
115	105140320	Nguyễn Hữu Tường	14TDH1								X								
116	105140361	Nguyễn Tư Quang Sáng	14TDH2								X								
117	105140378	Lâm Thành Vũ	14TDH2								X								
118	111140029	Nguyễn Đình Nghĩa	14THXD								X								
119	111140037	Ngô Văn Quyết	14THXD								X								
120	111140060	Đỗ Thành Vũ	14THXD								X								
121	110140023	Phạm Hữu Thái Bảo	14X1A								X								
122	109140069	Phạm Duy Hóa	14X3A								X								
123	101150059	Hoàng Văn Anh	15C1B								X								
124	103150075	Võ Văn Sỹ	15C4A								X								
125	103150081	Huỳnh Văn Thạnh	15C4A								X								
126	103150108	Phạm Quang Đạt	15C4B								X								
127	103150112	Lê Minh Dũng	15C4B								X								
128	103150257	Thiều Đình Văn	15C4VA								X								
129	101150176	Nguyễn Tùng Nguyên	15CDT1								X								
130	101150186	Nguyễn Đức Thôi	15CDT1								X								
131	101150206	Phan Nhật Hạ	15CDT2								X								
132	101150229	Lê Đức Thịnh	15CDT2								X								
133	105150014	Nguyễn Tuấn Anh	15D1								X								
134	105150040	Mai Danh Lưu	15D1								X								
135	105150115	Lê Hữu Thắng	15D2								X								
136	105150125	Nguyễn Song Tùng	15D2								X								
137	105150179	Trần Hữu Hoàng Tùng	15D3								X								
138	106150200	Nguyễn Bảo Sáng	15DT3								X								
139	123150035	Phan Thị Huyền Thanh	15ECE1								X								
140	107150174	Lưu Mai Quỳnh	15H2B								X								
141	121150046	Lê Đình Phong	15KT1								X								
142	121150094	Nguyễn Mạnh Hùng	15KT2								X								
143	121150145	Trương Thanh Tuấn	15KT2								X								
144	103150191	Nguyễn Hoàng Thanh Khang	15KTTT								X								
145	103150203	Hoàng Đăng Nhật	15KTTT								X								
146	103150214	Nguyễn Bá Thành	15KTTT								X								
147	118150036	Nguyễn Hồng Sơn	15KX1								X								
148	117150035	Lâm Tiến Hưng	15MT								X								
149	118150171	Nguyễn Hữu Ý	15QLCN								X								
150	117150107	Nguyễn Thị Ni Na	15QLMT								X								
151	117150126	Hồ Thị Kim Thi	15QLMT								X								
152	107150279	Nguyễn Thị Ái	15SH								X								
153	102150026	Trần Thị Xuân Diệu	15T1								X								
154	102150202	Nguyễn Văn Tiến	15T3								X								

TT	Số thẻ SV	Họ và Tên	Lớp	14 25%	21 25%	01 50%	03 50%	13 50%	23 50%	22 70%	04 100%	05 100%	11 100%	15 100%	16 100%	17 100%	18 100%	19 100%	20 100%
				A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P
155	102150255	Phan Hoàng Việt	15TCLC1								X								
156	102150268	Nguyễn Văn Đức	15TCLC2								X								
157	105150241	Nguyễn Việt Cường	15TDH1								X								
158	105150248	Phạm Đức Linh Đề	15TDH1								X								
159	105150342	Nguyễn Thanh Quảng	15TDHCLC								X								
160	105150354	Hoàng Anh Tú	15TDHCLC								X								
161	110150090	Lê Ngọc Tình	15X1A								X								
162	110150099	Lê Phúc Quang Vinh	15X1A								X								
163	110150113	Nguyễn Văn Dương	15X1B								X								
164	110150125	Bùi Công Hưng	15X1B								X								
165	110150174	Nguyễn Văn Trường	15X1B								X								
166	110150197	Nguyễn Xuân Hậu	15X1C								X								
167	110150255	Trần Khương Tuất	15X1C								X								
168	111150069	Lê Văn Công	15X2								X								
169	111150088	Hồ Duy Bách Khoa	15X2								X								
170	109150019	Bùi Văn Đức	15X3A								X								
171	109150042	Thạch Cảnh Ngô Nhân	15X3A								X								
172	109150093	Trần Văn Linh	15X3B								X								
173	109150197	Mai Thanh Kỳ	15X3CLC								X								
174	103160053	Nguyễn Văn Nam	16C4A								X								
175	103160064	Lê Xuân Tôn Quyền	16C4A								X								
176	103160111	Trần Đình Lộc	16C4B								X								
177	101160212	Hồ Đức Tùng	16CDT2								X								
178	105160008	Nguyễn Văn Cường	16D1								X								
179	107160038	Nguyễn Thị Ngọc Luyến	16H14								X								
180	107160081	Lê Tuấn Dũng	16H2								X								
181	107160094	Đỗ Thị Ngọc Huyền	16H2								X								
182	107160099	Đào Thị Diệu Linh	16H2								X								
183	121160056	Nguyễn Trường Giang	16KTCLC2								X								
184	121160065	Nguyễn Thành Huy	16KTCLC2								X								
185	121160083	Nguyễn Thanh Quốc	16KTCLC2								X								
186	118160051	Phạm Phúc Tiến	16KX1								X								
187	118160115	Dương Anh Tuấn	16KX2								X								
188	117160016	Đoàn Quốc Hà	16MT								X								
189	117160061	Mai Đăng Quang	16MT								X								
190	117160072	Phan Thị Thuý	16MT								X								
191	104160003	Trương Văn Bình	16N1								X								
192	122160029	Trần Cao Thắng	16PFIEV-N1								X								
193	118160159	Lê Văn Thi	16QLCN								X								
194	118160167	Nguyễn Trung Tín	16QLCN								X								

TT	Số thẻ SV	Họ và Tên	Lớp	14 25%	21 25%	01 50%	03 50%	13 50%	23 50%	22 70%	04 100%	05 100%	11 100%	15 100%	16 100%	17 100%	18 100%	19 100%	20 100%
				A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P
195	117160093	Nguyễn Thị Thu Hà	16QLMT								X								
196	107160213	Ngô Gia Huy	16SH								X								
197	102160041	Trương Ngọc Hào	16T1								X								
198	102160114	Dương Thị Hoài Tâm	16T2								X								
199	102160133	Mai Xuân Điệp	16T3								X								
200	102160167	Hoàng Văn Thương	16T3								X								
201	102160195	Trần Thị Thanh Thảo	16TCLC1								X								
202	105160196	Nguyễn Đức Sang	16TDH								X								
203	105160213	Phạm Quốc Uy	16TDH								X								
204	110160064	Nguyễn Anh Thư	16X1_B2								X								
205	110160131	Châu Hoàng Tuấn	16X1A								X								
206	110160216	Võ Phạm Bảo Đạt	16X1C								X								
207	110160061	Phan Văn Hòa	16X1LT								X								
208	109160187	Trần Tứ Quý	16X3B								X								
209	101170096	Nguyễn Đình Anh Dũng	17C1B								X								
210	101170133	Trần Hoàng Phúc	17C1B								X								
211	101170144	Nguyễn Sỹ Thái	17C1B								X								
212	103170008	Nguyễn Văn Đức	17C4A								X								
213	103170093	Nguyễn Sáu	17C4B								X								
214	103170143	Võ Văn Nhiên	17C4C								X								
215	105170113	Hồ Trọng Mười	17D2								X								
216	105170180	Hồ Nghĩa Minh	17D3								X								
217	105170213	Lê Văn Tuấn	17D3								X								
218	105170214	Phan Công Anh Tuấn	17D3								X								
219	105170226	Phan Tiến Dũng	17DCLC								X								
220	105170256	Ngô Thanh Tâm	17DCLC								X								
221	106170032	Nguyễn Văn Linh	17DT1								X								
222	106170231	Phạm Minh Đức	17DTCLC								X								
223	107170008	Trần Quang Đức	17H2								X								
224	107170290	Nguyễn Thị Kim Anh	17H2CLC1								X								
225	103170209	Lê Thanh Trãi	17KTTT								X								
226	118170029	Lê Trần Khánh Linh	17KX1								X								
227	118170038	Thái Hồng Phước	17KX1								X								
228	104170079	Nguyễn Minh Đức	17N2								X								
229	104170095	Nguyễn Văn Huy	17N2								X								
230	117170081	Nguyễn Trung Kiên	17QLMT								X								
231	102170058	Vũ Thị Bích Thư	17T1								X								
232	102170217	Hồ Minh Hoàng	17TCLC1								X								
233	102170236	Trần Đặng Văn Nguyên	17TCLC1								X								
234	102170254	Nguyễn Thị Trâm	17TCLC1								X								

TT	Số thẻ SV	Họ và Tên	Lớp	14 25%	21 25%	01 50%	03 50%	13 50%	23 50%	22 70%	04 100%	05 100%	11 100%	15 100%	16 100%	17 100%	18 100%	19 100%	20 100%
				A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P
235	102170291	Trần Xuân Nhi	17TCLC2								X								
236	102170306	Đậu Thị Thùy	17TCLC2								X								
237	105170367	Nguyễn Ngọc Anh Quân	17TDH2								X								
238	105170426	Châu Thanh Vũ	17TDHCLC1								X								
239	110170203	Phạm Đăng Khương	17X1C								X								
240	110170232	Nguyễn Công Thành	17X1C								X								
241	109170038	Nguyễn Huy Quang Anh	17X3								X								
242	109170053	Phạm Ngọc Hải	17X3								X								
243	117120074	Chanthongthip Souksavanh	12MT									X							
244	117130017	Bonphaacksone Khamlai	13MT									X							
245	117130037	Soukkhamthath Phonepaseuth	13MT									X							
246	117130076	Inthavong Aliya	13QLMT									X							
247	117130081	Thammvong Detsadaphone	13QLMT									X							
248	117130086	Phieusaath Etdy	13QLMT									X							
249	117130104	Phanichanh Linthaly	13QLMT									X							
250	117130127	Thongsavath Souksavanh	13QLMT									X							
251	117130137	Homboutsavong Thipphasone	13QLMT									X							
252	102130039	Phongsaphan Soukpaserd	13T1									X							
253	109130081	Namniyom Phitsamay	13X3A									X							
254	107140192	Pheuanepaxa Miya	14H5									X							
255	117140056	Phimsouda Soukhamthat	14MT									X							
256	104140153	Phouthavong Khetchan	14NL									X							
257	104140170	Xaysouliyo Soukdavanh	14NL									X							
258	118140077	Xayyany Beer	14QLCN									X							
259	118140095	Chanthammachak Khonsavanh	14QLCN									X							
260	118140122	Senthavisouk Saksith	14QLCN									X							
261	117140108	Bounmala Phetsamon	14QLMT									X							
262	117140109	Sidthiphone Phoumixay	14QLMT									X							
263	102140005	Anothay Alounsavanh	14T1									X							
264	102140039	Vongkhamheang Souphaphone	14T1									X							
265	102140038	Kenphanavanh Soukanya	14T1									X							
266	102140086	Setaphon Phonevilay	14T2									X							
267	105150047	Syhathep Phonevilai	15D1									X							
268	105150054	Sythammavanh Souksakhone	15D1									X							
269	117150119	Xayyakhom Santisouk	15QLMT									X							
270	117150151	Phanthachone Xaypoukham	15QLMT									X							
271	108150036	Bonpha Aksone Saythong	15SK									X							
272	108150042	Chaykeo Thidthaphone	15SK									X							
273	102150062	Khamyotha Poupaseuth	15T1									X							
274	105160034	Koutiengkeo Nomthasone	16D1									X							

TT	Số thẻ SV	Họ và Tên	Lớp	14 25%	21 25%	01 50%	03 50%	13 50%	23 50%	22 70%	04 100%	05 100%	11 100%	15 100%	16 100%	17 100%	18 100%	19 100%	20 100%
				A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P
275	105160035	Vongzalazid Phonexai	16D1									X							
276	117160102	Seng Aloun Khomphisit	16QLMT									X							
277	102160079	Keopanya Winthakone	16T1									X							
278	109160135	Phanthavong Thongdeng	16X3A									X							
279	105170104	Thepsoulivong Khomthachak	17D2									X							
280	105170461	Silavy Mailo	17D2									X							
281	118170140	Soulita Alisone	17QLCN									X							
282	102170141	Viengmany Chanthakhan	17T3									X							
283	102170187	Sivilay Sompasith	17T3									X							
284	102170189	Latsoulin Soulintha	17T3									X							
285	108110009	Hồ Phúc Hậu	11SK										X						
286	108110024	Nguyễn Quang Thảo	11SK										X						
287	108120005	Trương Thị Hiền	12SK										X						
288	108120007	Nguyễn Trần Công Huy	12SK										X						
289	108120009	Hồ Thị Hy	12SK										X						
290	108130002	Phạm Phú Ân	13SK										X						
291	108130003	Trương Công Bích	13SK										X						
292	108130004	Trần Văn Bộ	13SK										X						
293	108130011	Dương Thị Thuỳ Dung	13SK										X						
294	108130013	Nguyễn Văn Hào	13SK										X						
295	108130015	Dương Văn Hoá	13SK										X						
296	108130016	Lê Văn Hoà	13SK										X						
297	108130022	Nguyễn Chí Linh	13SK										X						
298	108130026	Lê Hoài Nhân	13SK										X						
299	108130030	Dương Thị Quyên	13SK										X						
300	108130035	Đỗ Xuân Tiến	13SK										X						
301	108130036	Lê Ngọc Tiến	13SK										X						
302	108130038	Ngô Trung Trọng	13SK										X						
303	108130039	Đoàn Thế Trường	13SK										X						
304	108140005	Võ Mạnh Cường	14SK										X						
305	108140006	Nguyễn Hải Đăng	14SK										X						
306	108140007	Nguyễn Thành Đạt	14SK										X						
307	108140008	Trần Vũ Đạt	14SK										X						
308	108140009	Lâm La Duy	14SK										X						
309	108140010	Phạm Trọng Hà	14SK										X						
310	108140011	Trần Minh Hải	14SK										X						
311	108140013	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	14SK										X						
312	108140015	Võ Văn Huy	14SK										X						
313	108140017	Phan Văn Khả	14SK										X						
314	108140019	Phạm Văn Lai	14SK										X						

TT	Số thẻ SV	Họ và Tên	Lớp	14 25%	21 25%	01 50%	03 50%	13 50%	23 50%	22 70%	04 100%	05 100%	11 100%	15 100%	16 100%	17 100%	18 100%	19 100%	20 100%
				A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P
315	108140020	Lương Thị Kim Lộc	14SK										X						
316	108140023	Nguyễn Thị Mỹ	14SK										X						
317	108140024	Trần Cảnh Phước Nguyên	14SK										X						
318	108140025	Trần Xuân Nguyên	14SK										X						
319	108140026	Nguyễn Thái Phong	14SK										X						
320	108140028	Hồ Tấn Tài	14SK										X						
321	108140030	Đặng Thị Thu	14SK										X						
322	108140032	Huỳnh Thị Thương	14SK										X						
323	108140033	Nguyễn Hữu Tĩnh	14SK										X						
324	108140035	Bùi Thị Hoàng Uyên	14SK										X						
325	108140037	Lê Việt	14SK										X						
326	108140040	Lê Thị Xuân	14SK										X						
327	108150062	Vũ Anh Tiến	15SK										X						
328	108150002	Phạm Văn Bình	15SK										X						
329	108150063	Ngô Tấn Vũ	15SK										X						
330	108150004	Đoàn Công Danh	15SK										X						
331	108150005	Phan Tấn Đức	15SK										X						
332	108150006	Nguyễn Văn Hải	15SK										X						
333	108150008	Võ Trung Hiếu	15SK										X						
334	108150009	Huỳnh Ngọc Hùng	15SK										X						
335	108150010	Nguyễn Nhật Hùng	15SK										X						
336	108150012	Phạm Văn Hữu	15SK										X						
337	108150013	Lương Văn Huy	15SK										X						
338	108150014	Nguyễn Tấn Huy	15SK										X						
339	108150016	Phan Lưu Kế	15SK										X						
340	108150017	Phạm Ngọc Khoa	15SK										X						
341	108150018	Thiều Quang Khối	15SK										X						
342	108150019	Vũ Đình Kiên	15SK										X						
343	108150020	Bùi Hồng Lại	15SK										X						
344	108150021	Zơ Râm Lâm	15SK										X						
345	108150022	Trương Văn Lợi	15SK										X						
346	108150023	Võ Đăng Hoàng Long	15SK										X						
347	108150024	Nguyễn Đình Lực	15SK										X						
348	108150026	Hồ Công Minh	15SK										X						
349	108150028	Nguyễn Thái Ngọc	15SK										X						
350	108150029	Phạm Phú Nguyễn	15SK										X						
351	108150030	Huỳnh Trần Thanh Nhi	15SK										X						
352	108150031	Võ Văn Nhi	15SK										X						
353	108150032	Võ Văn Phong	15SK										X						
354	108150034	Hồ Đoàn Phước	15SK										X						

TT	Số thẻ SV	Họ và Tên	Lớp	14 25%	21 25%	01 50%	03 50%	13 50%	23 50%	22 70%	04 100%	05 100%	11 100%	15 100%	16 100%	17 100%	18 100%	19 100%	20 100%
				A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P
355	108150035	Phạm Phú Quốc	15SK										X						
356	108150037	Công Văn Sỹ	15SK										X						
357	108150038	Trương Đức Tâm	15SK										X						
358	108150039	Trần Trí Tân	15SK										X						
359	108150041	Mai Phúc Thạnh	15SK										X						
360	108150043	Nguyễn Văn Thiện	15SK										X						
361	108150044	Nguyễn Hữu Thọ	15SK										X						
362	108150045	Hoàng Văn Thuận	15SK										X						
363	108150046	Lê Thuy	15SK										X						
364	108150047	Nguyễn Ngọc Tiến	15SK										X						
365	108150048	Phạm Tín	15SK										X						
366	108150049	Nguyễn Văn Minh Trí	15SK										X						
367	108150050	Đoàn Văn Trung	15SK										X						
368	108150051	Nguyễn Hoài Trung	15SK										X						
369	108150052	Từ Thanh Tú	15SK										X						
370	108150053	Phan Thanh Vang	15SK										X						
371	108150054	Đặng Quốc Việt	15SK										X						
372	108150055	Trần Anh Việt	15SK										X						
373	108150056	Nguyễn Tấn Vũ	15SK										X						
374	108150059	Đào Hữu Dũng	15SK										X						
375	108160001	Tô Văn An	16SK										X						
376	108160002	Huỳnh Ngọc Thiên Ân	16SK										X						
377	108160003	Hoàng Tiến Anh	16SK										X						
378	108160005	Trần Văn Công	16SK										X						
379	108160006	Nguyễn Hoàng Diệp	16SK										X						
380	108160007	Võ Quang Điệp	16SK										X						
381	108160009	Phan Văn Dũng	16SK										X						
382	108160012	Đỗ Khánh Hạ	16SK										X						
383	108160013	Lê Công Hậu	16SK										X						
384	108160014	Nguyễn Trần Hiếu	16SK										X						
385	108160015	Dương Thế Hòa	16SK										X						
386	108160016	Lê Văn Hoang	16SK										X						
387	108160017	Tạ Việt Hoàng	16SK										X						
388	108160019	Lê Thành Hưng	16SK										X						
389	108160020	Đặng Đức Hường	16SK										X						
390	108160022	Nguyễn Thành Huy	16SK										X						
391	108160023	Nguyễn Xuân Huy	16SK										X						
392	108160025	Nguyễn Công Huyền	16SK										X						
393	108160027	Đoàn Ngọc Linh	16SK										X						
394	108160028	Nguyễn Lê Đức Lộc	16SK										X						

TT	Số thẻ SV	Họ và Tên	Lớp	14 25%	21 25%	01 50%	03 50%	13 50%	23 50%	22 70%	04 100%	05 100%	11 100%	15 100%	16 100%	17 100%	18 100%	19 100%	20 100%
				A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P
395	108160030	Bùi Như Nam	16SK										X						
396	108160031	Phạm Thị Nguyên	16SK										X						
397	108160033	Dương Thị Tuyết Nhung	16SK										X						
398	108160034	Nguyễn Hoàng Phương	16SK										X						
399	108160035	Phạm Văn Phương	16SK										X						
400	108160037	Nguyễn Thị Lệ Quyên	16SK										X						
401	108160038	Mai Phước Sang	16SK										X						
402	108160040	Võ Hưng Tài	16SK										X						
403	108160041	Nguyễn Đức Thắng	16SK										X						
404	108160042	Nguyễn Hữu Thành	16SK										X						
405	108160043	Phan Tấn Thành	16SK										X						
406	108160044	Nguyễn Thị Thảo	16SK										X						
407	108160046	Trần Huỳnh Bích Thủy	16SK										X						
408	108160047	Nguyễn Thanh Tiến	16SK										X						
409	108160048	Lê Quốc Tĩnh	16SK										X						
410	108160049	Nguyễn Tấn Vang	16SK										X						
411	108160050	Phan Minh Vũ	16SK										X						
412	108170001	Trần Duy Anh	17SK										X						
413	108170002	Lương Hoài Đại	17SK										X						
414	108170003	Nguyễn Quang Đạt	17SK										X						
415	108170005	Lê Hoàng Diệu	17SK										X						
416	108170006	Trần Anh Huy	17SK										X						
417	108170007	Văn Viết Kế	17SK										X						
418	108170008	Nguyễn Lê Hoàng Khánh	17SK										X						
419	108170010	Nguyễn Thị Trường Kiều	17SK										X						
420	108170011	Võ Đức Lắm	17SK										X						
421	108170012	Nguyễn Ngọc Linh	17SK										X						
422	108170013	Huỳnh Ngọc Lộc	17SK										X						
423	108170014	Hoàng Đức Mạnh	17SK										X						
424	108170015	Phùng Viết Nam	17SK										X						
425	108170016	Vi Văn Nghị	17SK										X						
426	108170018	Hà Ngọc Nguyên	17SK										X						
427	108170019	Ngô Trọng Nguyên	17SK										X						
428	108170020	Đinh Thị Mỹ Nương	17SK										X						
429	108170021	Trần Thị Kiều Oanh	17SK										X						
430	108170023	Nguyễn Thái Phương	17SK										X						
431	108170024	Trương Hoàng Quân	17SK										X						
432	108170025	Võ Thanh Quang	17SK										X						
433	108170026	Châu Văn Quế	17SK										X						
434	108170027	Trần Xuân Quý	17SK										X						

TT	Số thẻ SV	Họ và Tên	Lớp	14 25%	21 25%	01 50%	03 50%	13 50%	23 50%	22 70%	04 100%	05 100%	11 100%	15 100%	16 100%	17 100%	18 100%	19 100%	20 100%
				A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P
435	108170028	Đinh Thị Hà Sen	17SK										X						
436	108170029	Nguyễn Công Thạch	17SK										X						
437	108170030	Nguyễn Khắc Thắng	17SK										X						
438	108170031	Phạm Ngọc Thành	17SK										X						
439	108170032	Nguyễn Phú Thi	17SK										X						
440	108170033	Nguyễn Công Thuận	17SK										X						
441	108170034	Nguyễn Hữu Tín	17SK										X						
442	108170035	Nguyễn Văn Tín	17SK										X						
443	108170036	Trần Quốc Toàn	17SK										X						
444	108170037	Dương Thị Thùy Trang	17SK										X						
445	108170038	Hồ Doãn Trường	17SK										X						
446	108170039	Phan Duy Trường	17SK										X						
447	108170040	Phan Thị Hoàng Vy	17SK										X						
448	121120072	Nguyễn Thanh Phong	12KT											X					
449	102120087	Võ Tiến Anh	12T1											X					
450	103130036	Đỗ Linh Kha	13C4A											X					
451	103130228	Lê Hồng Tiến	13KTTT											X					
452	107140016	Nguyễn Đức Hùng	14H1,4											X					
453	117140132	Nguyễn Thị Thúy Vân	14QLMT											X					
454	110140204	Ngô Văn Thái	14X1C											X					
455	105150144	Phan Thế Hiếu	15D3											X					
456	101160198	Nguyễn Văn Quốc	16CDT2											X					
457	102160104	Hồ Huỳnh Nga	16T2											X					
458	111160096	Đinh Phương Nam	16X2											X					
459	111130037	Trương Quyết	13THXD1												X				
460	121150006	Bùi Thị Bảo Châu	15KT1												X				
461	107150288	Nguyễn Đặng Minh Hằng	15SH												X				
462	101160062	Võ Chí Trung	16C1A												X				
463	102160080	Nguyễn Sĩ Phương Anh	16T2												X				
464	110160128	Nguyễn Văn Trị	16X1A												X				
465	109160207	Nguyễn Văn Tú	16X3B												X				
466	118170129	Nguyễn Thị Thanh Thủy	17KX2												X				
467	111140045	Trần Thị Phương Thảo	14THXD													X			
468	105130016	Lương Văn Đạt	13D1														X		
469	105130021	AHó Ngọc Hải	13D1														X		
470	110130096	Trương Văn Hội	13X1B														X		
471	103140008	Hứa Văn Chính	14C4A														X		
472	101140135	Nông Văn Đức	14CDT1														X		
473	101140171	Vi Đông Vũ	14CDT1														X		
474	102140024	A Lăng Kiên	14T1														X		

TT	Số thẻ SV	Họ và Tên	Lớp	14 25%	21 25%	01 50%	03 50%	13 50%	23 50%	22 70%	04 100%	05 100%	11 100%	15 100%	16 100%	17 100%	18 100%	19 100%	20 100%
				A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P
475	101150217	Chế Thanh Luận	15CDT2														X		
476	106150201	Trần Ngọc Sơn	15DT3														X		
477	109150235	Trần Văn Cường	15VLXD														X		
478	105160059	Nay Biêu	16D2														X		
479	105160092	Hiên Phương	16D2														X		
480	117160140	Tơ Ngộ Chúc	16QLMT														X		
481	105160248	Hoàng Hồng Quân	16TDHCLC1														X		
482	103170053	Nông Trọng Tú	17C4A														X		
483	122170065	Đinh Văn Tùng	17PFIEV-N2														X		
484	105170306	Lê Thanh Phương	17TDH1														X		
485	101150144	Nguyễn Viết Thắng	15C1C																X
486	105160082	Đặng Văn Lập	16D2																X
487	102160030	Trương Hùng Anh	16T1																X

Ghi chú:

A - Diện được giảm 25% học phí CLC
B - Diện được hỗ trợ 50% học phí từ quỹ phúc lợi Trường
C - Diện SV con nhà nghèo
D - Diện con CBVC bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp
E - Diện được giảm 50% học phí CLC
F - SV Vững Áng được giảm 50%

G - Diện con dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn
H - Con thương binh, bệnh binh
I - SV Lào được miễn học phí
J - SV ngành Sư phạm kỹ thuật
K - Con của người bị nhiễm chất độc hóa học

L - Mồ côi không nơi nương tựa
M - Con liệt sỹ
N - Con dân tộc thiểu số, hộ nghèo
O - Con dân tộc thiểu số rất ít người
P - Sinh viên khuyết tật nặng

LẬP BIỂU
Phòng Đào tạo
Phòng Kế hoạch - Tài chính

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 9 năm 2018

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH
Nguyễn Thị Hải Hà
Hoàng Quang Huy